TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122**/2021/KDTM-PT
Ngày 21/6/2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng kinh tế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 72/2021/TLPT-KDTM ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng kinh tế".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2020/KDTM-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2021/QĐ-PT ngày 17/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2021/QĐ-PT ngày 02/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2021/QĐ-PT ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ: phường M, quận N, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Seok B – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H – Nhân viên pháp chế; có mặt

-Bị đơn: Công ty H

Địa chỉ: đường P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn C – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H – Kế toán trưởng; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị H, Luật sư của Công ty Luật TNHH Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: đường N, quận T, Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2015, Công ty T với tư cách là nhà thầu cung cấp lắp đặt cùng với Công ty H với tư cách là chủ đầu tư ký hợp đồng cung cấp lắp đặt thang máy số 3110/2015/HĐCC-LĐ ngày 31/10/2015. Theo đó, Công ty T nhận cung cấp và lắp đặt 07 thang máy cho dự án Tòa nhà hỗn hợp dịch vụ thương mại và nhà ở tại đường P, quận H, Hà Nội với tổng giá trị hợp đồng là 8.628.290.000 đồng. Đến ngày 28/7/2017, hệ thống thang máy của dự án đã được hai bên nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Và tại hợp đồng cũng có quy định về thời gian bảo hành và bảo trì miễn phí là 12 tháng kể từ ngày hai bên bàn giao đưa vào sử dụng. Vì vậy, thời hạn bảo trì miễn phí đã hết từ ngày 28/7/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng nói trên, từ ngày 13/01/2016 đến ngày 28/12/2018 Công ty H đã thanh toán trả cho Công ty T là 7.759.803.000 đồng.

Tính đến thời điểm ngày 09/8/2019, tổng số nợ gốc Công ty H còn phải thanh toán cho Công ty T là 868.487.000 đồng.

Công ty T đã rất nhiều lần liên hệ, làm việc và gửi công văn để yêu cầu Công ty H thanh toán số công nợ còn lại nhưng Công ty H đều không thanh toán. Tất cả các lý do đại diện phía Công ty H đưa ra cũng chỉ với mục đích là giãn nợ đến ngày hôm nay. Việc chậm thanh toán này đã và đang gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty T.

Nhận thấy việc không còn muốn hợp tác từ Công ty H nên để bảo vệ quyền lợi của mình, Công ty T căn cứ Điều 14 của hợp đồng gửi hồ sơ khởi kiện đến Tòa án đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Công ty T đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng số 3110/2015/HĐCC-LĐ ngày 31/10/2015 cho Công ty T các khoản sau:

- Nợ gốc là: 868.487.000 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 25/06/2016 đến ngày 20/11/2020 là 657.648.552 đồng.

Tổng số tiền Công ty T yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền là: 868.487.000 đồng + 657.648.552 đồng = 1.526.135.552 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Phía bị đơn hoàn toàn nhất trí và xác nhận Công ty H còn nợ số tiền gốc như đại diện Công ty T trình bày nêu trên là đúng.

Đến thời điểm hiện tại Công ty H xác nhận còn nợ Công ty T số tiền nợ gốc là 868.487.000 đồng theo hợp đồng số 3110/2015/HĐCC-LĐ ngày 31/10/2015 về việc: Cung cấp lắp đặt thang máy tại dự án Tòa nhà hỗn hợp dịch vụ thương mại và nhà ở đường P, quận H, thành phố Hà Nội mà các bên đã ký kết.

Đối với khoản tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 25/06/2016 đến ngày 20/11/2020 theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại và Điều 8 của Hợp đồng trên số tiền phát sinh từ nợ gốc là 657.648.552 đồng, chúng tôi không đồng ý thanh toán là vì Công ty T có sự can thiệp thao tác kỹ thuật vào việc vận hành của cả 7 thang máy, làm thang máy chỉ hoạt động được vài ngày lại ngừng hoạt động.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện: Buộc Công ty H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng số 3110/2015/HĐCC-LĐ ngày 31/10/2015 cho Công ty T các khoản sau: Nợ gốc là: 868.487.000 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 25/06/2016 đến ngày 25/12/2020 là 657.898.093 đồng. Tổng số tiền Công ty T yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền là: 868.487.000 đồng + 657.898.093 đồng = 1.526.385.093 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty H, ông Đào Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 67/2020/KDTM-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003.

Căn cứ Điều 280, Điều 351, 357, 360, 519 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty T đối với Công ty H.

2. Buộc Công ty H trả cho Công ty T tổng số tiền 1.526.385.093 đồng gồm:

- Nợ gốc là 868.487.000 đồng.

- Lãi chậm thanh toán là 657.898.093 đồng.

3. Về án phí: Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả Công ty T số tiền 19.000.000 (mười chín triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009609 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông. Công ty H phải chịu 57.791.000 đồng (năm bảy triệu, bảy trăm chín mốt nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Công ty H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty H đề nghị hủy bản án sơ thẩm, yêu cầu nguyên đơn bổ sung đầy đủ hồ sơ quyết toán, giấy chứng nhận bảo hiểm, yêu cầu nguyên đơn đối chiếu và thanh toán chi phí tiền điện trong quá trình thi công, yêu cầu nguyên đơn thanh toán phần sửa chữa thay thế các thiết

bị theo công văn số 03/CV ngày 18/01/2019 của bị đơn gửi cho nguyên đơn trước khi sửa chữa thay thế, đề nghị mời đại diện các cư dân trong tòa nhà và đại diện tổ bảo vệ của tòa nhà đến Tòa làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bị đơn Công ty H thanh toán cho nguyên đơn Công ty T số tiền (nợ gốc và nợ lãi) là 1.000.000.000 đồng.

Thời gian thanh toán: ngày 21/7 thanh toán 500.000.000 đồng; ngày 21/8 thanh toán 250.000.000 đồng; ngày 21/9 thanh toán nốt 250.000.000 đồng.

Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản.

Công ty T và Công ty H không còn bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến hợp đồng số 3110/2015/HĐCC-LĐ ngày 31/10/2015.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, Công ty T và Công ty H không có yêu cầu, đề nghị gì khác

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án sơ thẩm số 67/2020/KDTM-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo hướng thỏa thuận của các bên. Về án phí, được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty H được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty T với Công ty H phát sinh từ hợp đồng cung cấp lắp đặt thang máy số 3110/2015/HĐCC-LĐ ngày 31/10/2015, được xác lập bởi các chủ thể có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty H có địa chỉ tại đường P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 280, Điều 351, 357, 360, 519 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2020/KDTM-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bị đơn Công ty H thanh toán cho nguyên đơn Công ty T số tiền (nợ gốc và nợ lãi) là 1.000.000.000 đồng.

Thời gian thanh toán: ngày 21/7 thanh toán 500.000.000 đồng; ngày 21/8 thanh toán 250.000.000 đồng; ngày 21/9 thanh toán nốt 250.000.000 đồng.

Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản.

Công ty T và Công ty H không còn bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến hợp đồng số 3110/2015/HĐCC-LĐ ngày 31/10/2015.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty H phải chịu 42.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty T 19.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009609 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty H 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006069 ngày 18/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Hà Đông, tp Hà Nội;
- TAND quận Hà Đông, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn